

DỰ THẢO

**Xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh; đổi mới toàn diện,
phát triển đột phá, phấn đấu đưa Nghệ An trở thành cực tăng
trưởng tầm quốc gia trong kỷ nguyên phát triển mới**

(Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX
tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX)

Phần thứ nhất

**ĐÁNH GIÁ 5 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI
ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XIX**

Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân tỉnh Nghệ An thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII trong điều kiện khó khăn hơn nhiều so với dự báo. Bám sát chỉ đạo của Trung ương và tình hình thực tiễn, Tỉnh ủy và cấp ủy các cấp đã lãnh đạo hệ thống chính trị cùng với Nhân dân đoàn kết khắc phục khó khăn, chủ động, sáng tạo triển khai toàn diện nhiệm vụ trên các lĩnh vực, đồng thời tập trung thực hiện các nhiệm vụ lớn, các chương trình, đề án trọng tâm, trọng điểm, nỗ lực phấn đấu với quyết tâm cao, thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ của nhiệm kỳ.

I- KẾT QUẢ, THÀNH TỰU NỔI BẬT

1. Kinh tế tăng trưởng khá, cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển biến tích cực, chất lượng tăng trưởng được nâng lên

Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) bình quân đạt khoảng 8,3 - 8,5%, cao hơn giai đoạn 2016 - 2020. Quy mô GRDP gấp 1,7 lần, GRDP bình quân đầu người gấp 1,67 lần so với năm 2020. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch mạnh theo hướng tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ. Thu ngân sách nhà nước đạt mục tiêu đề ra, gấp 1,7 lần, chi đầu tư phát triển gấp 1,43 lần so với nhiệm kỳ trước. Đầu tư công được quản lý, phân bổ và sử dụng có trọng tâm, trọng điểm; cơ bản khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, kéo dài.

- Nông, lâm nghiệp, thủy sản phát triển ổn định và nâng cao chất lượng, hiệu quả; chương trình xây dựng nông thôn mới đạt nhiều thành tựu quan

trọng. Tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm bình quân giai đoạn 2021 - 2025 ước đạt 4,55%. Chương trình xây dựng nông thôn mới (NTM) đạt nhiều kết quả quan trọng. Trước thời điểm sáp nhập và tổ chức lại đơn vị hành chính thành 2 cấp toàn tỉnh có 279/362 (77,07%) xã đạt chuẩn NTM (tăng 50 xã so với năm 2020), trong đó có 135 xã đạt chuẩn NTM nâng cao, 25 xã đạt NTM kiểu mẫu, 11 đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM.

- Công nghiệp - xây dựng phát triển mạnh. Tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm bình quân giai đoạn 2021 - 2025 ước đạt 11,85%; trong đó, công nghiệp ước đạt 14,78%, xây dựng ước đạt 8,26%. Công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm tỷ trọng chủ yếu và ngày càng cao. Sản xuất tiêu thủ công nghiệp và ngành nghề tiếp tục có bước phát triển. Hệ thống kết cấu hạ tầng ngày càng đồng bộ; hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp phát triển nhanh.

- Dịch vụ phát triển nhanh, đa dạng và duy trì tỷ trọng cao trong cơ cấu kinh tế của tỉnh. Tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm ngành dịch vụ bình quân giai đoạn 2021 - 2025 ước đạt 7,7%/năm. Kim ngạch xuất khẩu năm 2025 ước đạt 4,5 tỷ USD, gấp 2,98 lần so với năm 2020. Dịch vụ tài chính, ngân hàng phát triển nhanh với mạng lưới phủ rộng, đầy đủ các loại hình, đứng đầu khu vực Bắc Trung Bộ về tổng huy động và dư nợ tín dụng. Ngành du lịch phục hồi mạnh mẽ sau đại dịch Covid-19; tốc độ tăng trưởng khách du lịch bình quân giai đoạn 2022 - 2025 ước đạt 27,1%/năm, tổng lượng khách du lịch năm 2025 ước đạt 9,6 triệu lượt, tăng hơn 6,0 triệu lượt so với năm 2020.

- Kinh tế biển chuyển dịch đúng hướng và phát triển khá toàn diện, từng bước hướng tới trở thành động lực phát triển kinh tế của tỉnh. Các địa phương khu vực ven biển đóng góp khoảng 27,55% tổng quy mô GRDP; giá trị tăng thêm bình quân đầu người vùng biển và ven biển cao gấp 1,27 lần so với bình quân toàn tỉnh.

- Huy động các nguồn lực đầu tư đạt kết quả vượt bậc, góp phần tích cực vào tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2021 - 2025 ước đạt khoảng 500.000 tỷ đồng, gấp 1,7 lần so với giai đoạn 2016 - 2020. Đầu tư ngoài khu vực nhà nước tăng nhanh về quy mô, số lượng và chất lượng dự án, trong đó đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (FDI) đạt trên 4,8 tỷ USD, gấp 4,5 lần số vốn lũy kế từ năm 2020 trở về trước; thu hút được nhiều tập đoàn công nghệ lớn hàng đầu thế giới vào đầu tư sản xuất, kinh doanh.

- Các khu vực kinh tế trọng điểm phát triển khá nhanh, đóng góp lớn vào sự phát triển của cả tỉnh; vùng miền Tây tiếp tục có bước phát triển mới theo hướng bền vững.

- Công tác quy hoạch đạt nhiều kết quả quan trọng, hệ thống đô thị tiếp tục phát triển theo hướng văn minh, hiện đại

2. Lĩnh vực văn hóa - xã hội đạt nhiều thành tựu mới

- Giáo dục và đào tạo đạt kết quả khá toàn diện; có trên 80% số trường học đạt chuẩn quốc gia, vượt mục tiêu đề ra; chất lượng giáo dục tiến bộ vượt bậc; số học sinh đạt giải cao tại các kỳ thi quốc gia, quốc tế liên tục thuộc top đầu toàn quốc.

- Khoa học, công nghệ được chú trọng, đạt nhiều kết quả tích cực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đã từng bước triển khai lộ trình chuyển đổi số toàn diện, hướng tới xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số và xã hội số.

- Hệ thống thiết chế văn hóa tiếp tục được đầu tư xây dựng, nâng cấp và phát huy hiệu quả. Công tác bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể đạt nhiều kết quả quan trọng. Hoạt động văn hoá cơ sở có bước phát triển mới về chất. Phong trào thể dục, thể thao quần chúng tiếp tục phát triển rộng khắp. Thể thao thành tích cao có nhiều đổi mới cách làm, tiến bộ về trình độ và kết quả thi đấu.

- Hệ thống y tế tiếp tục được đầu tư, phát triển đồng bộ từ tuyến tỉnh đến cơ sở. Chất lượng khám, chữa bệnh được nâng lên, nhiều kỹ thuật chuyên sâu, công nghệ y học tiên tiến được áp dụng, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu khám chữa bệnh của nhân dân. Công tác dân số, bảo vệ, chăm sóc trẻ em đạt nhiều kết quả quan trọng.

- Công tác giải quyết việc làm, bảo đảm an sinh xã hội được chú trọng, với sự tham gia tích cực, hiệu quả của các cấp, các ngành, doanh nghiệp và cộng đồng, đạt nhiều kết quả nổi bật. Các chế độ, chính sách đối với người có công, đối tượng bảo trợ xã hội được thực hiện kịp thời, đúng mục đích, đối tượng. Cơ bản hoàn thành mục tiêu xóa nhà tạm, nhà dột nát cho người nghèo trên địa bàn toàn tỉnh trong năm 2025. Dự kiến đến cuối năm 2025 tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 3,12%.

3. Quản lý đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu được chú trọng

Công tác bảo vệ tài nguyên nước và khai thác khoáng sản được chấn chỉnh, nâng cao hiệu quả. Các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa và xử lý ô nhiễm môi trường được chú trọng, nhất là trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp và quá trình triển khai các dự án. Việc thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt ở đô thị và nông thôn được thực hiện tốt hơn. Các chương

trình, đề án, dự án phát triển kinh tế - xã hội đã gắn với công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

4. Quốc phòng được củng cố, tăng cường, an ninh, trật tự an toàn xã hội bảo đảm vững chắc

Nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân, thế trận biên phòng toàn dân và khu vực phòng thủ được củng cố ngày càng vững chắc. Công tác quản lý, bảo vệ biên giới, vùng biển, đảo được triển khai toàn diện, hiệu quả. An ninh được bảo đảm vững chắc, trật tự an toàn xã hội có nhiều chuyển biến tích cực, giảm các loại tội phạm và tệ nạn xã hội.

5. Công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế, liên kết vùng được triển khai chủ động, thực chất, nâng cao hiệu quả.

Tổ chức được nhiều hoạt động đối ngoại thúc đẩy thu hút đầu tư, hợp tác thương mại, du lịch, lao động, giáo dục, y tế, nông nghiệp. Đẩy mạnh hoạt động ngoại giao văn hóa và thông tin đối ngoại, đóng góp tích cực vào việc quảng bá hình ảnh của Việt Nam và Nghệ An đến bạn bè quốc tế. Hoạt động hợp tác liên kết phát triển vùng và các địa phương trong cả nước được chú trọng.

6. Công tác xây dựng đảng và xây dựng hệ thống chính trị thường xuyên được chú trọng, đổi mới mạnh mẽ, thực hiện đồng bộ, đạt nhiều kết quả quan trọng

- Hệ thống chính trị được củng cố, năng lực lãnh đạo của các cấp ủy, hiệu lực quản lý và chất lượng điều hành của chính quyền được nâng lên, cải cách hành chính đạt nhiều kết quả rõ nét; công tác vận động, đoàn kết Nhân dân có nhiều đổi mới nâng cao hiệu quả.

- Việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo đơn vị hành chính hai cấp được thực hiện kịp thời, đúng yêu cầu tiến độ và nhanh chóng đi vào hoạt động ổn định.

II- HẠN CHẾ, TỒN TẠI

- Kinh tế tăng trưởng khá nhưng chưa đạt mục tiêu đề ra; GRDP bình quân đầu người còn thấp so với vùng và cả nước. Năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế chưa cao; tỷ trọng sản phẩm công nghiệp, dịch vụ có giá trị gia tăng cao còn thấp; nông nghiệp công nghệ cao chậm được nhân rộng; kinh tế biển, du lịch phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế.

- Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa hoàn chỉnh, thiếu đồng bộ, nhất là hạ tầng giao thông, hạ tầng kỹ thuật đô thị, hạ tầng và dịch vụ logistics, hạ tầng số. Một số dự án hạ tầng chiến lược (cảng biển nước sâu, cảng hàng không) và công trình thiết yếu triển khai chưa đạt mục tiêu đề ra.

- Doanh nghiệp của tỉnh đa số quy mô nhỏ, trình độ quản trị và ứng dụng công nghệ hạn chế, khả năng cạnh tranh, hội nhập còn yếu; thiếu sự liên kết, hợp tác giữa các doanh nghiệp nội tỉnh với cách doanh nghiệp ngoại tỉnh và các doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI).

- Vẫn còn tình trạng vi phạm pháp luật trong hoạt động khoáng sản, quản lý đất đai. Ô nhiễm môi trường có nơi chưa được kiểm soát hiệu quả.

- Thiết chế văn hóa, thể thao nhiều nơi chưa đồng bộ. Các dịch vụ văn hóa phát triển chưa tương xứng với tiềm năng. Quản lý một số hoạt động văn hóa còn bất cập.

- Khoa học, công nghệ chưa thực sự trở thành động lực phát triển kinh tế và các lĩnh vực của tỉnh. Ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp còn yếu. Thị trường khoa học công nghệ chậm phát triển.

- Quy hoạch trường lớp và các điều kiện về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, nhất là khu vực nông thôn, miền núi chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới, phát triển giáo dục toàn diện. Hoạt động đào tạo đại học, đào tạo nghề tuy có đổi mới nhưng vẫn chưa theo kịp yêu cầu phát triển. Nguồn nhân lực, nhất là nhân lực có trình độ cao và nhân lực có trình độ, kỹ năng nghề chưa đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động cả về số lượng và chất lượng.

- Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân còn hạn chế, chất lượng khám, chữa bệnh của một số cơ sở y tế chưa đáp ứng được yêu cầu. Các bệnh viện tuyến tỉnh thường xuyên trong tình trạng quá tải. Quản lý hành nghề y được tư nhân, vệ sinh an toàn thực phẩm còn sơ hở, bất cập.

- Kết quả giảm nghèo chưa thực sự bền vững; tỷ lệ hộ nghèo còn cao hơn bình quân chung cả nước; đời sống của một bộ phận Nhân dân còn khó khăn, nhất là ở vùng sâu, vùng xa khu vực miền núi cao.

- Tình hình an ninh trật tự, nhất là tội phạm sử dụng công nghệ cao, lừa đảo qua mạng để chiếm đoạt tài sản còn phức tạp.

- Cải cách hành chính, tuy có chuyển biến tích cực nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu; các chỉ số phản ánh về cải cách hành chính, môi trường đầu tư kinh doanh, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh thiếu bền vững.

- Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, trong quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công vẫn chưa theo kịp yêu cầu.

III- ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT

Nhiệm kỳ 2020 - 2025, trong bối cảnh có nhiều khó khăn, thách thức, được sự quan tâm của Trung ương, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân Nghệ An đã đoàn kết, nỗ lực phấn đấu đạt được nhiều kết quả quan trọng, khá toàn diện với nhiều điểm sáng nổi bật. Phần lớn các chỉ tiêu chủ yếu đạt và vượt mục tiêu Nghị quyết. Kinh tế tăng trưởng khá; thu hút đầu tư, xuất khẩu đạt kết quả vượt bậc; kết cấu hạ tầng được đầu tư từng bước đồng bộ theo hướng hiện đại. Các vùng kinh tế trọng điểm có bước phát triển rõ nét. Diện mạo đô thị, nông thôn đổi mới theo hướng văn minh, hiện đại. Văn hóa, xã hội có nhiều tiến bộ; an sinh xã hội được bảo đảm, đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân không ngừng được cải thiện. Quốc phòng, an ninh được giữ vững; đối ngoại, liên kết phát triển được mở rộng. Hệ thống chính trị được củng cố, năng lực lãnh đạo, hiệu lực quản lý và chất lượng điều hành được nâng lên; cải cách hành chính có chuyển biến rõ nét.

Tuy nhiên, Nghệ An vẫn còn đối diện với nhiều khó khăn, thách thức: cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm; chất lượng tăng trưởng chưa cao; thu ngân sách chưa bền vững; nông nghiệp công nghệ cao, kinh tế biển, du lịch phát triển chưa tương xứng tiềm năng; một số công trình trọng điểm triển khai còn chậm. Chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu; tỷ lệ hộ nghèo còn cao, nhất là ở vùng sâu, vùng xa. Công tác bảo vệ môi trường, quản lý tài nguyên còn những hạn chế, bất cập; trật tự an toàn xã hội còn tiềm ẩn những yếu tố phức tạp. Công tác xây dựng Đảng, quản lý điều hành, cải cách hành chính ở một số nơi còn thiếu đồng bộ, hiệu quả chưa cao.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP NHIỆM KỲ 2025 - 2030

A- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

I- Quan điểm phát triển

1. Đổi mới tư duy phát triển, hướng tới một mô hình tăng trưởng hiện đại hơn, lấy công nghệ và tri thức làm động lực, lấy đổi mới thể chế và quản trị làm đòn bẩy, lấy văn hóa Xứ Nghệ làm nền tảng, tạo xung lực mới, đột phá phát triển tương xứng với tiềm năng, vị trí, vai trò trong vùng Bắc Trung Bộ và cả nước, xứng đáng là quê hương của Chủ tịch Hồ Chí Minh; tự lực, tự

cường, tự tin cùng cả nước bước vào kỷ nguyên vươn mình phát triển giàu mạnh, văn minh và thịnh vượng của dân tộc.

2. Chuyển mạnh từ phát triển chiều rộng sang chiều sâu; tăng trưởng chủ yếu dựa vào khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, nâng cao hiệu quả, tạo giá trị gia tăng cao; phát triển kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế biển, kinh tế tuần hoàn, công nghiệp công nghệ cao và dịch vụ chất lượng cao. Tập trung tạo đột phá phát triển nhanh vùng phía Đông, phát triển bền vững vùng phía Tây của tỉnh. Bảo đảm phát triển hài hòa, bền vững giữa kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường.

3. Ưu tiên nguồn lực và tạo mọi điều kiện để thực hiện nhanh việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền của địa phương bảo đảm đồng bộ, ổn định, rõ ràng, minh bạch, tạo môi trường, điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội; trong đó đặc biệt quan tâm cơ chế, chính sách phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế.

4. Phát huy giá trị văn hoá Xứ Nghệ và con người Nghệ An thành nguồn lực nội sinh mạnh mẽ cho phát triển. Gắn phát triển kinh tế với văn hoá, xã hội, bảo vệ môi trường, nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân. Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh hợp tác phát triển liên kết vùng, đối ngoại và hội nhập quốc tế. Phát triển kinh tế gắn với giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh; xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn để phát triển.

5. Các cấp ủy, tổ chức đảng giữ vai trò trung tâm, lãnh đạo toàn diện trong tất cả các quyết sách. Chính quyền các cấp chuyển mạnh từ quản lý hành chính sang kiến tạo phát triển, phục vụ nhân dân và đồng hành cùng doanh nghiệp. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết, truyền thống cách mạng, ý chí tự lực, tự cường, sự năng động, sáng tạo và khát vọng vươn lên của cán bộ, đảng viên, Nhân dân, đội ngũ doanh nhân, để phát triển Nghệ An nhanh, bền vững, toàn diện, văn minh, hiện đại.

II- Mục tiêu tổng quát

Phấn đấu đến năm 2030, Nghệ An trở thành tỉnh khá của cả nước, cực tăng trưởng tầm quốc gia; là trung tâm của khu vực Bắc Trung Bộ về công nghiệp và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, y tế, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, thương mại, logistics; có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu; đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe Nhân dân không ngừng được nâng cao; giá trị hệ sinh thái rừng, biển, đảo, văn hóa, lịch sử và truyền thống, nhất là văn hóa xứ

Nghệ được bảo tồn và phát huy; quốc phòng, an ninh và chủ quyền biên giới, biển, đảo được giữ vững. Tầm nhìn đến năm 2045, Nghệ An trở thành tỉnh có thu nhập cao, phát triển toàn diện, văn minh, hiện đại.

III- Các chỉ tiêu chủ yếu

1. Kinh tế: Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) bình quân giai đoạn 2026 - 2030 đạt từ 12% trở lên; GRDP bình quân đầu người đạt khoảng 7.500 - 8.000 USD. Tỷ trọng kinh tế số đạt khoảng 20% GRDP. Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế đạt trên 55%. Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân khoảng 10 - 11%/năm. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2026 - 2030 đạt khoảng 1.150 nghìn tỷ đồng. Kim ngạch xuất khẩu đạt 10 tỷ USD. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng bình quân 12% trở lên.

2. Văn hóa - xã hội: Chỉ số phát triển con người (HDI) đạt khoảng 0,75. Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng số lao động xã hội giảm xuống còn khoảng 20%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 77% trở lên, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ 38%. Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân khoảng 0,5 - 1,5%/năm. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 95% dân số; tỷ lệ lực lượng lao động tham gia bảo hiểm xã hội đạt 41,5%.

3. Bảo vệ môi trường: Tỷ lệ che phủ rừng ổn định khoảng 58%. Tỷ lệ khu công nghiệp, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%. Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đạt 99%. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý bảo đảm đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt khoảng 97%.

4. Quốc phòng, an ninh: Tỷ lệ xã, phường vững mạnh toàn diện đạt trên 95%. Tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự hằng năm đạt trên 90%.

5. Xây dựng đảng và hệ thống chính trị: Thực hiện tinh gọn đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị và tinh giản biên chế đúng quy định của Trung ương; cơ bản hoàn thành chính quyền số vào năm 2030. Phân đấu thuộc nhóm 10 tỉnh dẫn đầu về chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS); nhóm 15 tỉnh dẫn đầu về chỉ số hiệu quả quản trị hành chính công (PAPI).

B- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

I- Đổi mới mạnh mẽ, quyết liệt công tác lãnh đạo, chỉ đạo; tập trung hoàn thiện thể chế, cơ chế vận hành bộ máy các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị đáp ứng yêu cầu phát triển giai đoạn mới

- Nhanh chóng cụ thể hóa và tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các nghị quyết, chủ trương, quan điểm, định hướng của Đảng, nhất là các nhiệm vụ trọng tâm và đột phá chiến lược. Xây dựng, ban hành các chương trình, đề án, kế hoạch thực hiện nghị quyết đại hội Đảng các cấp ngay từ đầu nhiệm kỳ; phân công rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm, rõ kết quả.

- Tập trung xây dựng, hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định, quy trình công tác của cấp ủy, chính quyền và các tổ chức, cơ quan trong hệ thống chính trị của địa phương; phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan của Đảng, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội. Thực hiện quyết liệt, kịp thời việc phân cấp, phân quyền, ủy quyền giữa các cấp bảo đảm khoa học, hợp lý, phù hợp với thực tế, đồng thời tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát, đôn đốc, hướng dẫn của cấp trên đối với cấp dưới trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Bám sát định hướng Nghị quyết 66-NQ/TW, ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật, rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền của địa phương về quản lý kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; trong đó tập trung trước hết vào các cơ chế, chính sách kiến tạo, hỗ trợ, thúc đẩy phát triển và tháo gỡ các nút thắt, rào cản gây khó khăn cho sản xuất, kinh doanh và đời sống xã hội. Tiếp tục thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An đã được Quốc hội ban hành.

- Triển khai kịp thời việc nghiên cứu, điều chỉnh quy hoạch tỉnh phù hợp định hướng, chiến lược, không gian phát triển mới. Đồng thời lập, bổ sung quy hoạch phát triển đô thị, vùng liên xã, cụm xã, quy hoạch xây dựng, khu chức năng theo định hướng quy hoạch tỉnh, bảo đảm tính kế thừa, đồng bộ, thống nhất, gắn với nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác lập, quản lý và thực hiện quy hoạch. Ưu tiên bố trí nguồn vốn từ ngân sách để sớm hoàn thành các quy hoạch.

- Thường xuyên rà soát, bổ sung nhiệm vụ, giải pháp, kiểm tra, đôn đốc thực hiện quyết liệt, đúng tiến độ, hiệu quả các đề án, kế hoạch chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan đảng, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội; đưa hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị lên môi trường số, bảo đảm liên thông, đồng bộ, bí mật nhà nước; thúc đẩy hệ sinh thái kinh tế số trên các lĩnh vực. Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, đẩy mạnh cải cách hành chính, trong đó tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp.

II- Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, tạo đột phá phát triển kinh tế nhanh và bền vững

1. Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng hiện đại, bền vững, nâng cao chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh

- Tập trung đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng hiện đại, bền vững, dựa chủ yếu vào ứng dụng mạnh mẽ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; nâng cao năng suất lao động, chất lượng tăng trưởng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

- Chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chiều rộng sang chiều sâu; nâng cao tỷ trọng đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GRDP. Khuyến khích khởi nghiệp sáng tạo, đầu tư phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ, nhất là công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn vào sản xuất và kinh doanh; phát triển các ngành, lĩnh vực sản xuất mới, sản phẩm mới có giá trị gia tăng cao. Từng bước hình thành và phát triển các mô hình kinh tế mới như kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

- Cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng hiện đại, phát triển toàn diện và bền vững, trong đó công nghiệp là động lực đột phá; thương mại, dịch vụ hiện đại là mũi nhọn; nông nghiệp là nền tảng. Tập trung phát triển các ngành, lĩnh vực trụ cột: (i) Công nghiệp, trọng tâm là công nghiệp chế biến, chế tạo và công nghiệp hỗ trợ; (ii) Thương mại, dịch vụ, nhất là dịch vụ logistics, tài chính - ngân hàng, giáo dục và đào tạo, y tế chất lượng cao; (iii) Du lịch, phát triển thành ngành kinh tế mũi nhọn; (iv) Nông nghiệp, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao; (v) Kinh tế biển gắn với củng cố quốc phòng, an ninh.

- Tập trung thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 68-NQ/TW, ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia. Tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, an toàn, minh bạch; thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, làm giàu chính đáng; xây dựng đội ngũ doanh nhân Nghệ An phát triển toàn diện, có năng lực quản trị hiện đại và khả năng cạnh tranh trong nước, khu vực. Hỗ trợ phát triển một số doanh nghiệp tư nhân lớn đóng vai trò dẫn dắt và lan tỏa trong hệ sinh thái doanh nghiệp địa phương.

- Nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư theo hướng chọn lọc, bền vững; ưu tiên các dự án sử dụng công nghệ cao, đóng góp lớn cho ngân sách, có cam kết chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Tăng cường liên kết giữa khu vực đầu tư nước ngoài (FDI) với doanh nghiệp trong tỉnh nhằm thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ, chuyển giao công nghệ và đào tạo nhân lực.

- Cơ cấu lại, đổi mới phương thức hoạt động và nâng cao năng lực tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập, nhất là trong các lĩnh vực khoa học - công nghệ, giáo dục, y tế, văn hóa và môi trường. Đẩy mạnh xã hội hóa cung ứng dịch vụ công. Đổi mới, nhân rộng các mô hình kinh tế hợp tác hoạt động hiệu quả; tăng cường năng lực quản trị và đổi mới phương thức sản xuất kinh doanh; tạo điều kiện thuận lợi để kinh tế tập thể, hợp tác xã phát triển bền vững, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp và kinh tế nông thôn.

- Cơ cấu lại thu ngân sách theo hướng bền vững, tăng thu từ khu vực sản xuất - kinh doanh, giảm dần tỷ trọng thu từ tài nguyên, đất đai; từng bước bảo đảm cân đối thu - chi ngân sách địa phương. Siết chặt kỷ luật tài chính - ngân sách; triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư, nhất là nguồn vốn vay, trên cơ sở kiểm soát chặt chẽ hạn mức vay và khả năng trả nợ.

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả quản lý đầu tư công theo hướng tập trung, trọng điểm; ưu tiên các công trình, dự án có sức lan tỏa, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh triển khai các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP), nhất là các hình thức BOT, BT trong các lĩnh vực hạ tầng giao thông, đô thị, năng lượng và dịch vụ công thiết yếu.

2. Phát triển đồng bộ và bền vững các trụ cột kinh tế: công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ và kinh tế biển; thúc đẩy chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, nâng cao giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh

2.1. Phát triển công nghiệp, xây dựng theo hướng hiện đại, xanh, bền vững và có giá trị gia tăng cao

- Tập trung cơ cấu lại ngành công nghiệp theo hướng hiện đại, phát triển nhanh và bền vững, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ xanh, tiết kiệm tài nguyên và năng lượng, thân thiện với môi trường. Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn, sử dụng công nghệ mới, công nghệ cao; các ngành có khả năng tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu, tạo ra giá trị gia tăng lớn, có tác động lan tỏa đến các ngành kinh tế khác, như: công nghiệp điện tử, năng lượng mới, công nghệ thông tin, công nghiệp số, công nghiệp chế biến - chế tạo, sản xuất và lắp ráp ô tô, vật liệu mới, công nghiệp hỗ trợ.

- Nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh sản phẩm của các ngành công nghiệp có lợi thế, nhất là chế biến nông - lâm - thủy sản gắn với quy hoạch vùng nguyên liệu và nông nghiệp công nghệ cao; công nghiệp chế biến dược liệu, sản xuất vật liệu xây dựng, khai thác và chế biến sâu khoáng sản theo hướng công nghiệp hiện đại.

- Tập trung phát triển một số ngành công nghiệp nền tảng, gồm: Công nghiệp năng lượng; cơ khí chế tạo, sản xuất linh kiện, phụ tùng lắp ráp, thiết bị xây dựng, sản xuất vật liệu mới. Đối với công nghiệp sử dụng nhiều lao động như dệt may, da giày, bố trí hợp lý tại vùng trung du, miền núi nhằm tạo việc làm, thu nhập ổn định cho người dân, đồng thời tập trung vào các khâu tạo giá trị gia tăng cao, sản xuất nguyên phụ liệu trong nước.

- Phát triển ngành công nghiệp môi trường, thúc đẩy mô hình kinh tế tuần hoàn tái sử dụng nguyên vật liệu, giảm chi phí xử lý chất thải, tối ưu tài nguyên, hạn chế phát thải ra môi trường. Tăng cường khuyến công, hỗ trợ phát triển tiểu thủ công nghiệp, làng nghề nông thôn, nhất là các ngành nghề có thương hiệu và thị trường ổn định.

- Sắp xếp hợp lý không gian phát triển công nghiệp gắn với hành lang kinh tế, vùng sản xuất công nghiệp. Hình thành các cụm liên kết ngành trong tỉnh, từng bước gia nhập các cụm liên kết ngành vùng. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch các khu, cụm công nghiệp ngoài khu kinh tế; thu hút đầu tư hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại, gắn kết thuận lợi với hệ thống giao thông. Phát triển hạ tầng xã hội tại các khu công nghiệp tập trung đông lao động, nhất là khu kinh tế Đông Nam (nhà ở công nhân, chợ, siêu thị, nhà trẻ, trường học, cơ sở y tế, khu vui chơi...).

- Nâng cao năng lực ngành xây dựng để đáp ứng yêu cầu quản lý, thiết kế, mua sắm, thi công các công trình quy mô lớn, hiện đại, công nghệ phức tạp. Phát triển sản xuất các loại vật liệu xây dựng mới, thông minh, tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường.

2.2. Phát triển nông nghiệp xanh, thông minh, sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao giá trị và tính liên kết trong chuỗi sản phẩm

- Chuyển mạnh từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp. Phát triển nền nông nghiệp hiện đại, hiệu quả, bền vững theo hướng xanh, sạch, sinh thái, tuần hoàn, thích ứng với biến đổi khí hậu. Tập trung hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thông minh, chuyển đổi số; sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên và vật tư đầu vào.

- Đổi mới cơ chế, chính sách hỗ trợ theo hướng trọng tâm, trọng điểm, thúc đẩy phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung, quy mô lớn, giá trị gia tăng cao. Đẩy mạnh cơ giới hóa đồng bộ, hiện đại hóa toàn bộ chuỗi sản xuất, chế biến, bảo quản nông sản. Phát triển mạnh nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp xanh, sạch, tuần hoàn; áp dụng nghiêm ngặt quy trình sản xuất an toàn theo tiêu chuẩn quốc tế và Việt Nam.

- Tổ chức lại sản xuất theo hướng phát triển kinh tế trang trại, kinh tế hợp tác, lấy hợp tác xã làm nòng cốt. Ban hành chính sách đủ mạnh để thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, hình thành chuỗi liên kết trong sản xuất - chế biến - tiêu thụ.

- Cơ cấu lại sản xuất theo nhóm sản phẩm chủ lực, gắn với lợi thế vùng, địa phương và nhu cầu thị trường. Hình thành các vùng chuyên canh tập trung, quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, gắn với chế biến sâu và xây dựng thương hiệu. Nhóm sản phẩm chủ lực gồm: lúa gạo; cây nguyên liệu chế biến (mía, chè, cao su, sắn); rau, quả (cam, bưởi, dứa); chăn nuôi trâu, bò thịt, bò sữa, gia cầm; vật nuôi bản địa, đặc sản có giá trị cao.

- Quản lý, bảo vệ chặt diện tích rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng tự nhiên. Mở rộng vùng trồng rừng gỗ lớn gắn với quản lý rừng bền vững, hình thành vùng nguyên liệu ổn định cho công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ. Triển khai hiệu quả Khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao vùng Bắc Trung Bộ. Phát triển rừng gắn với thị trường tín chỉ các-bon; đẩy mạnh sản xuất lâm sản ngoài gỗ, đặc biệt là cây dược liệu. Mở rộng dịch vụ môi trường rừng, cải thiện sinh kế đồng bào miền núi, kết hợp bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai.

- Tập trung phát triển nuôi trồng thủy sản thâm canh, bán thâm canh đối với tôm, cá, nhuyễn thể có giá trị cao. Ứng dụng khoa học - công nghệ mới nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả. Phát triển đội tàu khai thác xa bờ đồng bộ, hiện đại; gắn khai thác với bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Thực hiện nghiêm các quy định chống khai thác bất hợp pháp (IUU).

- Tiếp tục đầu tư, nâng cấp đồng bộ hệ thống cảng cá, khu neo đậu, dịch vụ hậu cần nghề cá, đáp ứng yêu cầu khai thác bền vững và phát triển ngành thủy sản hiện đại.

2.3. Đẩy mạnh phát triển khu vực dịch vụ theo hướng hiện đại, chất lượng cao, bền vững; thúc đẩy chuyển đổi số, nâng cao năng lực cạnh tranh, hình thành các ngành dịch vụ mũi nhọn

- Phát triển khu vực dịch vụ với tốc độ nhanh, đa dạng về loại hình theo hướng hiện đại, bền vững và chất lượng cao. Mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của các ngành dịch vụ trên cơ sở khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế; đẩy mạnh ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ và chuyển đổi số. Ưu tiên phát triển một số ngành dịch vụ có lợi thế, hàm lượng tri thức cao và ứng dụng công nghệ tiên tiến. Đẩy mạnh xã hội hóa trong phát triển các dịch vụ văn hóa, giáo dục, y tế, thể thao và việc làm theo cơ chế thị trường.

- Phát triển mạnh thương mại điện tử; xây dựng các thương hiệu hàng hóa có tầm quốc gia và quốc tế; chú trọng phát triển các mặt hàng xuất khẩu chủ lực, nâng cao tỷ trọng sản phẩm chế biến và sản phẩm có giá trị gia tăng cao; khai thác hiệu quả các hiệp định thương mại tự do đã có hiệu lực. Phát triển dịch vụ vận tải, kho bãi và logistics theo hướng đa dạng, hiện đại, trở thành ngành dịch vụ chủ lực. Nâng cấp hệ thống kho bãi, bảo quản hàng hóa và dịch vụ hậu cần cảng; ưu tiên phát triển hệ thống kho bãi xung quanh các đô thị và các khu công nghiệp; đầu tư xây dựng Trung tâm logistics tại Khu kinh tế Đông Nam.

- Phát triển các sản phẩm và dịch vụ tài chính, ngân hàng theo hướng hiện đại; đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ và kênh cung ứng; chuyển nhanh từ mô hình kinh doanh truyền thống sang mô hình số, cung cấp dịch vụ trên nền tảng số và nền tảng công nghệ tài chính (fintech). Phát triển dịch vụ viễn thông và công nghệ thông tin trên cơ sở ứng dụng hiệu quả các thành tựu khoa học, công nghệ, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo (AI). Đẩy mạnh cung cấp trực tuyến các dịch vụ công; phát triển dịch vụ bưu chính theo định hướng chuyển đổi số; thúc đẩy phát triển báo chí, truyền thông hiện đại.

- Phát triển du lịch bền vững theo hướng chuyên nghiệp, chất lượng và hiệu quả. Phấn đấu đến năm 2030, du lịch cơ bản trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, đưa Nghệ An trở thành một trong những trung tâm du lịch của vùng Bắc Trung Bộ, là điểm đến hấp dẫn của cả nước. Gắn phát triển du lịch với bảo tồn, phát huy giá trị di sản và bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học. Đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch trên cơ sở xây dựng các sản phẩm đặc thù của Nghệ An, gồm: du lịch nghỉ dưỡng biển, đảo; du lịch văn hóa - lịch sử; trải nghiệm không gian văn hóa sông Lam và nghệ thuật dân ca Ví, Giặm; du lịch sinh thái, cộng đồng và thể thao mạo hiểm tại các địa phương miền núi.

- Mở rộng thị trường khách du lịch, trong đó thị trường nội địa là trọng tâm, tạo đột phá trong thu hút khách quốc tế. Thu hút đầu tư các khu du lịch hiện đại, đẳng cấp. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch có trình độ, kiến thức, kỹ năng chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển.

2.4. Phát triển kinh tế biển bền vững, toàn diện, gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Phát triển kinh tế biển theo hướng hiện đại, bền vững trên nền tảng tăng trưởng xanh, bảo tồn hệ sinh thái biển và đa dạng sinh học; gắn với gìn giữ giá trị truyền thống, phát huy bản

sắc văn hóa biển, xây dựng cộng đồng ven biển phát triển hài hòa, gắn kết, thân thiện với biển; bảo đảm quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo.

- Tăng cường liên kết giữa các ngành, lĩnh vực kinh tế biển; khai thác hiệu quả tiềm năng và lợi thế vùng ven biển; phấn đấu đưa Nghệ An trở thành địa phương mạnh về kinh tế biển của khu vực Bắc Trung Bộ. Phát triển các ngành kinh tế biển trọng điểm theo hướng hiệu quả, bền vững, có giá trị gia tăng cao, cụ thể: Phát triển mạnh dịch vụ vận tải biển, kho bãi, logistics đa dạng, hiện đại, từng bước trở thành ngành dịch vụ chủ lực vùng ven biển. Phát triển du lịch biển theo hướng chuyên nghiệp, thân thiện với môi trường, gắn với các giá trị văn hóa và cảnh quan tự nhiên. Phát triển nghề cá xa bờ và nuôi trồng thủy sản ven biển, tập trung vào các sản phẩm có giá trị kinh tế cao phục vụ chế biến sâu và xuất khẩu. Phát triển năng lượng tái tạo vùng ven biển, nhất là điện gió, điện mặt trời phù hợp điều kiện thực tế và quy hoạch sử dụng không gian biển của tỉnh. Nghiên cứu và phát triển một số ngành kinh tế biển mới như: khai thác và chế biến dược liệu biển, nuôi trồng và chế biến rong, tảo, cỏ biển...

- Hoàn thành đầu tư cảng biển nước sâu Cửa Lò, các cảng biển tổng hợp; tập trung phát triển khu bến Đông Hồi kết nối với khu bến Nam Nghi Sơn, hình thành cụm cảng liên vùng Nghi Sơn - Đông Hồi, tạo động lực thu hút đầu tư và mở rộng liên kết kinh tế vùng.

- Phát triển các khu kinh tế ven biển, khu công nghiệp, dịch vụ logistics, đô thị và du lịch biển theo hướng tiếp cận sinh thái, hiện đại, đồng bộ hạ tầng kỹ thuật - xã hội, có sức hấp dẫn cao đối với các nhà đầu tư chiến lược, trong nước và quốc tế.

3. Phát triển các vùng kinh tế, hành lang kinh tế, đô thị và khu vực nông thôn theo hướng liên kết, hiện đại, bền vững

3.1. Phát triển đô thị vùng Vinh và Khu kinh tế Đông Nam mở rộng trở thành hai động lực tăng trưởng chủ lực, hiện đại, hội nhập và lan tỏa

- Tập trung phát triển các đô thị vùng Vinh theo hướng đa trung tâm, hiện đại, thông minh, xanh, sạch, đẹp, an toàn; trở thành cực tăng trưởng mạnh của tỉnh và trung tâm vùng Bắc Trung Bộ về giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, thương mại, dịch vụ, logistics, công nghiệp công nghệ cao. Phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; đẩy mạnh thương mại hiện đại, logistics, dịch vụ cảng, hàng hải, vận tải và du lịch biển, xây dựng thương hiệu "Đô thị du lịch biển - Đô thị sự kiện". Phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp xanh; thúc đẩy các ngành điện tử, công nghệ số, chế biến chế tạo, sản xuất vật liệu mới. Phát triển nông nghiệp sạch, hữu cơ gắn với

cảnh quan sinh thái phục vụ du lịch. Thu hút đầu tư vào các khu đô thị mới, tạo không gian và động lực phát triển đô thị.

- Phát triển Khu kinh tế Đông Nam mở rộng trở thành vùng kinh tế năng động, có sức cạnh tranh cao, trung tâm công nghiệp - dịch vụ - logistics gắn với hành lang kinh tế ven biển. Ưu tiên phát triển các khu công nghiệp thể hệ mới theo mô hình công nghiệp sinh thái, công nghiệp thông minh, công nghiệp số, công nghiệp bền vững. Thu hút đầu tư vào các ngành công nghệ cao, công nghệ số, điện tử, chế biến chế tạo, năng lượng, hóa chất cơ bản. Tập trung nguồn lực phát triển đồng bộ hạ tầng kỹ thuật - xã hội, kết nối hiệu quả với cảng biển Cửa Lò, Đông Hồi. Hình thành các khu công nghiệp công nghệ cao, trung tâm nghiên cứu - sản xuất thiết bị công nghệ cao, đô thị và du lịch đạt chuẩn quốc tế.

3.2. Phát triển toàn diện, bền vững khu vực miền Tây, khai thác hiệu quả các tiềm năng kinh tế, gìn giữ, phát huy bản sắc văn hóa và bảo vệ cảnh quan, môi trường sinh thái: Phát triển khu vực miền Tây trên nền tảng khai thác hiệu quả tiềm năng rừng, nông - lâm nghiệp, tài nguyên khoáng sản, văn hóa - du lịch, gắn kết chặt chẽ phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, cảnh quan, bản sắc văn hóa và bảo đảm quốc phòng, an ninh. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hình thành các vùng sản xuất tập trung, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp chế biến sâu. Tăng cường phát triển kinh tế rừng, nuôi trồng thủy sản trên hồ thủy điện, khai thác khoáng sản đi đôi với bảo vệ môi trường. Phát triển các sản phẩm chủ lực có lợi thế như chè, sữa, gỗ rừng trồng, dược liệu; đa dạng hóa du lịch sinh thái, cộng đồng. Hoàn thiện hạ tầng thiết yếu từ nguồn lực các chương trình mục tiêu và chính sách đặc thù; củng cố hệ thống chính trị vững mạnh, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào các dân tộc trên địa bàn.

3.3. Phát triển các hành lang kinh tế chiến lược, mở rộng không gian phát triển, tăng cường liên kết vùng

- Hành lang kinh tế ven biển gắn với quốc lộ 1, đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, đường ven biển, đường sắt Bắc - Nam và đường sắt tốc độ cao: Phát triển hành lang ven biển trở thành vùng kinh tế động lực, tập trung xây dựng các đô thị ven biển hiện đại, thông minh, có khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp xanh, dịch vụ logistics, thương mại biển và hạ tầng cảng biển hiện đại. Hình thành cụm cảng biển Đông Hồi gắn với Nghi Sơn kết nối với khu bến cảng quốc tế, phát triển các ngành kinh tế biển trọng điểm như hàng hải, nuôi trồng, khai thác hải sản, công nghiệp chế biến thủy sản, năng lượng tái tạo ven biển và du lịch nghỉ dưỡng biển quy mô lớn.

- Hành lang kinh tế dọc tuyến đường Hồ Chí Minh: Tập trung phát triển nông nghiệp công nghệ cao quy mô lớn gắn với vùng nguyên liệu ổn định và chuỗi giá trị nông sản. Hình thành các trung tâm công nghiệp chế biến nông, lâm sản gắn với các cụm sản xuất tập trung. Đẩy mạnh khai thác tiềm năng tài nguyên để phát triển ngành sản xuất vật liệu xây dựng quy mô công nghiệp. Phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, du lịch trải nghiệm gắn với bảo vệ môi trường và giữ gìn bản sắc văn hóa bản địa.

- Hành lang kinh tế quốc lộ 7A kết nối với cửa khẩu Nậm Cắn: Tập trung phát triển nông, lâm nghiệp hàng hóa quy mô lớn gắn với ứng dụng công nghệ cao và liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ. Phát triển các khu, cụm công nghiệp chế biến lâm sản, dược liệu, thực phẩm. Đẩy mạnh phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch mạo hiểm và du lịch cửa khẩu; hình thành các trung tâm dịch vụ hậu cần cửa khẩu nhằm thúc đẩy giao thương với nước bạn Lào.

- Hành lang kinh tế quốc lộ 48A: Phát triển kinh tế rừng, tập trung vào trồng rừng gỗ lớn, kinh tế dưới tán rừng và khai thác bền vững lâm sản ngoài gỗ. Thúc đẩy phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến sâu, nhất là các sản phẩm đặc sản, dược liệu quý. Chế biến sâu khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường. Phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, du lịch cộng đồng dựa trên bản sắc văn hóa địa phương và cảnh quan thiên nhiên đặc trưng vùng Tây Bắc của tỉnh.

3.4. Phát triển hệ thống đô thị và các trung tâm vùng, tiểu vùng

Thực hiện hiệu quả chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh, phấn đấu đến năm 2030, tỷ lệ đô thị hóa khoảng 40%. Xây dựng hệ thống đô thị thông minh toàn diện, hiện đại, xanh, thân thiện môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu. Đẩy nhanh đô thị hóa gắn với phát triển công nghiệp - dịch vụ, theo mô hình đa trung tâm, bền vững, kết nối vùng và quốc gia. Hoàn thành các quy hoạch đô thị; xây dựng chương trình phát triển hạ tầng kỹ thuật khung; phát triển hạ tầng số, hạ tầng xanh, sử dụng vật liệu xanh; triển khai mô hình đô thị định hướng giao thông công cộng (TOD) gắn với nhà ga đường sắt cao tốc. Nâng cao chất lượng sống đô thị, đáp ứng nhu cầu về nhà ở, nước sạch, môi trường, hạ tầng xã hội.

3.5. Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới, phát triển các trung tâm cụm xã gắn với phát triển kinh tế - xã hội nông thôn

- Xây dựng nông thôn mới theo hướng hiện đại, toàn diện, bền vững, gắn với đô thị hóa và giữ gìn bản sắc văn hóa, gắn với tăng thu nhập, giảm nghèo, nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo, nhân rộng mô hình hợp tác xã, làng nghề, sản xuất hàng hóa chất lượng cao.

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, gắn sản xuất nông nghiệp với du lịch, thương mại và giáo dục trải nghiệm. Nâng cao chất lượng, quy mô sản phẩm OCOP, phát triển kinh tế trang trại, kinh tế hộ quy mô lớn. Đổi mới tổ chức sản xuất, nâng cao hiệu quả hợp tác xã.

- Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho nông dân; nâng cao trình độ học vấn, kỹ năng nghề, năng lực ứng dụng khoa học, công nghệ; xây dựng người nông dân phát triển toàn diện, có tri thức, văn minh, đổi mới, sáng tạo, hội nhập, có ý thức bảo vệ môi trường và đóng vai trò trung tâm trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội nông thôn.

- Rà soát, xác định các trung tâm cụm xã có vị trí thuận lợi, hình thành hạt nhân liên kết vùng nông thôn. Ưu tiên đầu tư hạ tầng thiết yếu, trường học, trạm y tế, chợ, điểm dịch vụ công tại trung tâm cụm xã. Phát triển mô hình liên kết kinh tế - xã hội theo cụm xã, gắn với xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu.

3.6. Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu

- Tiếp tục triển khai mạnh mẽ đột phá về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, tạo nền tảng thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững. Tập trung huy động, đa dạng hóa và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư, nhất là thúc đẩy mạnh mẽ xã hội hóa, hợp tác công - tư. Đẩy nhanh ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số vào quản lý, khai thác, vận hành các công trình hạ tầng.

- Ưu tiên đầu tư các dự án hạ tầng giao thông có tính kết nối, lan tỏa cao, đặc biệt là các trục chiến lược kết nối vùng đồng bằng, ven biển với khu vực miền Tây. Phối hợp triển khai xây dựng tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam (đoạn Hà Nội - Vinh), đường cao tốc Hà Nội - Vĩnh Chấn (đoạn Vinh - Thanh Thủy); nâng cấp các tuyến quốc lộ, đường tỉnh, đường liên xã; xây dựng cầu lớn qua sông và cảng nước sâu Cửa Lò. Phát triển khu bến cảng Đông Hồi, hình thành cụm cảng liên kết Nghi Sơn - Đông Hồi; mở rộng Cảng hàng không quốc tế Vinh đạt tiêu chuẩn sân bay cấp 4E.

- Phát triển hệ thống thủy lợi đa mục tiêu, bảo đảm an ninh nguồn nước cho sản xuất, sinh hoạt và phòng, chống thiên tai. Tập trung đầu tư các công trình đầu mối quan trọng như đập sông Lam, hồ Bán Mòng (giai đoạn 2), hệ thống thủy lợi Nam và đê điều sông Cả. Đầu tư, nâng cấp hồ đập, trạm bơm, cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão; xây dựng, cải tạo công trình cấp nước tập trung, bảo đảm cấp nước sạch đạt quy chuẩn cho người dân nông thôn.

- Ưu tiên phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông hiện đại, đồng bộ, phục vụ chuyển đổi số toàn diện trong các ngành, lĩnh vực. Nâng cấp hạ tầng năng lượng, hệ thống cấp - thoát nước, xử lý nước thải phù hợp với quy hoạch. Tập trung đầu tư hệ thống hạ tầng xã hội về giáo dục, y tế, khoa học công nghệ, văn hóa, thể thao, dạy nghề và an sinh xã hội. Đẩy mạnh xây dựng nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp; phấn đấu hoàn thành khoảng 25.500 căn hộ trong nhiệm kỳ.

III- Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa - xã hội, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đời sống nhân dân và bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội

1. Phát triển toàn diện văn hóa và con người Nghệ An, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc, trở thành sức mạnh nội sinh cho phát triển

- Tiếp tục xây dựng và phát triển văn hóa, con người Nghệ An toàn diện, đáp ứng yêu cầu thời kỳ mới. Phát huy mạnh mẽ bản sắc văn hóa xứ Nghệ trên nền tảng hệ giá trị quốc gia, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh; lan tỏa sâu rộng không gian văn hóa Hồ Chí Minh trở thành nền tảng tinh thần, nguồn lực nội sinh và động lực phát triển bền vững.

- Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống, di sản văn hóa vật thể, phi vật thể; thúc đẩy sáng tạo, kết nối văn hóa với công nghệ số. Khuyến khích sáng tác, trưng bày, quảng bá tác phẩm văn học nghệ thuật có giá trị tư tưởng, nghệ thuật cao; nâng chất lượng biểu diễn nghệ thuật phục vụ nhân dân. Phát triển công nghiệp văn hóa, thị trường văn hóa; đưa văn hóa trở thành sức mạnh mềm, nguồn lực phát triển và gia tăng lợi thế cạnh tranh.

- Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trong gia đình, nhà trường, cộng đồng và không gian công vụ; phát triển văn hóa chính trị, công sở, kinh doanh và đạo đức doanh nhân. Đẩy mạnh xã hội học tập, phát triển văn hóa đọc và học tập suốt đời.

- Phát triển đồng bộ hạ tầng văn hóa - thể thao; ưu tiên thiết chế văn hóa cơ sở, thể thao phong trào và thành tích cao. Phấn đấu xây dựng Nghệ An thành trung tâm phụ trợ huấn luyện thể thao thành tích cao của quốc gia.

2. Đột phá đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển

- Tiếp tục hoàn thiện, tích hợp và triển khai đồng bộ, hiệu quả các nghị quyết, đề án, chương trình phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm để nâng cao chất lượng thực hiện

Chương trình giáo dục phổ thông 2018; khung chương trình quốc gia về giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp; phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực, thể chất người học; chuẩn hóa chất lượng đầu ra, mở rộng cơ hội học tập suốt đời cho mọi người.

- Tập trung đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở giáo dục, đào tạo đạt chuẩn quốc gia, khu vực và quốc tế; nâng tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia lên 85%, trong đó có 30% đạt mức độ 2; quan tâm đầu tư các trường phổ thông nội trú, bán trú; cải thiện điều kiện dạy và học ở vùng sâu, vùng xa, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; phấn đấu đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ từ 3 - 5 tuổi.

- Phát triển hệ thống trường học trọng điểm chất lượng cao, trường tiên tiến theo xu thế hội nhập quốc tế, trường song ngữ. Chú trọng phát triển chương trình giáo dục địa phương, chương trình nhà trường theo hướng hiện đại, thực tiễn, hội nhập; tăng cường giáo dục lịch sử, văn hóa, nghệ thuật, thể thao, kỹ năng sống, kỹ năng số, ngoại ngữ, trí tuệ nhân tạo.

- Tăng cường phân luồng, hướng nghiệp hiệu quả từ bậc học phổ thông; nâng tỷ lệ học sinh theo học giáo dục nghề nghiệp. Phát triển giáo dục đại học gắn với nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp; xây dựng các trung tâm nghiên cứu, đào tạo tiên tiến trong trường đại học; phấn đấu đưa Trường Đại học Vinh trở thành trung tâm đào tạo, nghiên cứu có uy tín trong khu vực và quốc tế.

- Phát triển mạnh mẽ phong trào học tập suốt đời; nâng cao năng lực ngoại ngữ, tin học, kỹ năng mềm, chuyển đổi số cho học sinh, sinh viên và người lao động. Bồi dưỡng tinh thần tự học, tự nâng cao trình độ trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân; hình thành văn hóa học tập, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, phục vụ yêu cầu phát triển đất nước, địa phương và hội nhập quốc tế.

3. Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, tạo động lực mới cho phát triển nhanh và bền vững

- Tập trung thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị; đưa khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trở thành đột phá chiến lược, động lực nền tảng cho tăng trưởng nhanh, bền vững.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách, tạo môi trường thuận lợi thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ trong doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh; ưu tiên các lĩnh vực có tiềm năng, thế mạnh như nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến, dược liệu, vật liệu mới, năng lượng tái tạo, công nghệ thông tin, logistics và bảo tồn di sản văn hóa.

- Phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại các khu, cụm công nghiệp trọng điểm. Hình thành trung tâm nghiên cứu ứng dụng, tổ chức dịch vụ khoa học - công nghệ, không gian sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp; khuyến khích phát triển doanh nghiệp khoa học - công nghệ. Đẩy mạnh nghiên cứu, bảo hộ sở hữu trí tuệ, thương mại hóa sản phẩm gắn với kết nối sàn giao dịch công nghệ, mạng lưới đổi mới sáng tạo trong nước và quốc tế.

- Phát triển xã hội số gắn với công dân số. Phổ cập kỹ năng số cơ bản, nâng cao năng lực số cho cán bộ, công chức, viên chức, học sinh, sinh viên, người lao động. Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất nhỏ lẻ chuyển đổi mô hình, tham gia hiệu quả kinh tế số. Hình thành hệ sinh thái số của tỉnh, khai thác hiệu quả dữ liệu, tài nguyên số phục vụ điều hành, nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh và khả năng tự chủ của nền kinh tế.

4. Phát triển hệ thống y tế đồng bộ, hiện đại; nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân

- Tiếp tục phát triển hệ thống y tế theo hướng đồng bộ, toàn diện, từng bước hiện đại, bảo đảm tính công bằng, chất lượng, hiệu quả và khả năng tiếp cận cho mọi người dân. Phấn đấu đạt bình quân 15 bác sĩ và 50 giường bệnh trên 10.000 dân vào năm 2030. Ưu tiên nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu, hướng tới bao phủ y tế toàn dân, lấy người bệnh làm trung tâm của hệ thống y tế.

- Xây dựng hệ thống y tế thông minh trên nền tảng ba trụ cột: quản trị thông minh, phòng bệnh thông minh, khám chữa bệnh thông minh. Triển khai hiệu quả các chính sách hỗ trợ, miễn giảm viện phí cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số và các đối tượng chính sách, tiến tới mở rộng bao phủ chi phí khám chữa bệnh cho toàn dân.

- Đẩy mạnh xã hội hóa và đa dạng hóa các mô hình y tế tư nhân, khuyến khích hợp tác công - tư trong đầu tư và cung ứng dịch vụ y tế chất lượng cao. Xây dựng và phát triển các trung tâm y tế chuyên sâu, phục hồi chức năng, dịch vụ chăm sóc sức khỏe toàn diện. Đầu tư đồng bộ cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại, phát triển đội ngũ cán bộ y tế, nhất là bác sĩ có trình độ cao, chuyên gia đầu ngành và nhân lực y tế cho vùng sâu, vùng xa, miền núi. Tiếp tục đầu tư, nâng cấp, nâng hạng hệ thống các bệnh viện trên địa bàn tỉnh.

- Củng cố và nâng cao năng lực hệ thống y tế cơ sở, mạng lưới y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe cộng đồng theo nguyên lý y học gia đình; bảo đảm khả năng giám sát, phòng chống dịch bệnh từ sớm, từ xa. Tăng cường chuyển giao kỹ thuật chuyên sâu từ tuyến tỉnh về tuyến dưới, phát triển đồng đều giữa các vùng miền.

- Tận dụng tiềm năng để phát triển ngành dược liệu; quy hoạch và mở rộng các vùng trồng dược liệu tập trung, đạt chuẩn GACP-WHO; thúc đẩy sản xuất, chế biến, lưu thông sản phẩm dược liệu gắn với bảo tồn và phát triển nguồn gen quý hiếm.

- Nâng cao chất lượng dân số gắn với cải thiện sức khỏe thể chất, tinh thần và tầm vóc người dân. Tập trung thực hiện hiệu quả các chính sách dân số và phát triển, chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ - trẻ em, phòng chống suy dinh dưỡng, bệnh không lây nhiễm và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

5. Nâng cao hiệu quả công tác lao động, việc làm và bảo đảm an sinh xã hội, góp phần ổn định và phát triển xã hội bền vững

- Tập trung triển khai các chương trình phát triển kinh tế - xã hội gắn với tạo việc làm bền vững; phát triển các cụm công nghiệp, làng nghề, kinh tế nông thôn, dịch vụ logistics sử dụng nhiều lao động nhằm tạo thêm việc làm tại chỗ cho người dân. Xây dựng chính sách hỗ trợ thu hút lao động kỹ thuật, chuyên gia, người Nghệ An ở ngoài tỉnh, ngoài nước về quê hương làm việc, khởi nghiệp, đóng góp cho phát triển địa phương.

- Phát triển đồng bộ, hiệu quả thị trường lao động của tỉnh; đẩy mạnh kết nối cung - cầu lao động giữa các cơ sở đào tạo, trung tâm dịch vụ việc làm với doanh nghiệp. Tăng cường đào tạo nghề gắn với thị trường, chú trọng đào tạo chuyển đổi nghề cho lao động nông thôn, người dân tộc thiểu số, phụ nữ và nhóm yếu thế. Đẩy mạnh tuyên truyền, hỗ trợ phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, đặc biệt trong khu vực phi chính thức. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ tại các doanh nghiệp, kịp thời giải quyết tranh chấp lao động, đình công.

- Tập trung giảm nghèo bền vững, bao trùm, hạn chế tái nghèo, nhất là tại các xã miền núi, vùng sâu, vùng đặc biệt khó khăn. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Bảo đảm thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách đối với người có công, người hưởng trợ cấp xã hội, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, người cao tuổi. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng dịch vụ bảo trợ xã hội, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, phục hồi chức năng. Đẩy mạnh công tác bình đẳng giới, nâng cao vai trò, vị thế phụ nữ trong gia đình, xã hội; bảo vệ quyền trẻ em.

IV- Quản lý, khai thác hiệu quả tài nguyên; bảo vệ môi trường, phát triển bền vững và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, thiên tai

- Tăng cường năng lực quản lý nhà nước và nâng cao chất lượng lập, tổ chức thực hiện các quy hoạch, kế hoạch liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Tập trung rà soát, quản lý chặt chẽ và sử dụng hiệu quả các loại tài nguyên, nhất là tài nguyên đất, khoáng sản, nước và rừng.

- Kiên quyết xử lý dứt điểm các dự án sử dụng đất chậm tiến độ, lãng phí; khắc phục tình trạng sử dụng đất kém hiệu quả tại các nông, lâm trường và tổng đội thanh niên xung phong. Thực hiện nghiêm nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả, “không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế” khi xem xét, quyết định các dự án phát triển.

- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và ứng dụng công nghệ trong quản lý đất đai, tài nguyên; tăng cường công khai, minh bạch trong cấp phép, khai thác, sử dụng tài nguyên. Bảo đảm khai thác đi đôi với bảo vệ, phục hồi và tái tạo tài nguyên.

- Chủ động thực hiện các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai. Phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; tham gia hiệu quả vào thị trường tín chỉ carbon và thực hiện các cam kết giảm phát thải, hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 theo cam kết quốc gia.

V- Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh; nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động hội nhập quốc tế toàn diện và thúc đẩy liên kết phát triển vùng

- Quán triệt, triển khai kịp thời, hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, thể trận quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân, thể trận an ninh nhân dân, gắn với xây dựng thể trận lòng dân vững chắc. Phát huy tối đa sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân trong công tác bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia, giữ gìn an ninh, trật tự; xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn để phát triển.

- Triển khai đồng bộ ba trụ cột đối ngoại: Đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại Nhân dân; thực hiện hiệu quả chiến lược hội nhập quốc tế toàn diện, lấy hội nhập kinh tế làm trung tâm, hội nhập các lĩnh vực khác làm nền tảng; bảo đảm vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và phục vụ mục tiêu phát triển bền vững.

- Đẩy mạnh quảng bá hình ảnh Nghệ An đổi mới, hội nhập, giàu bản sắc, gắn với quê hương Chủ tịch Hồ Chí Minh, Di sản Dân ca Ví, Giặm, các danh thắng tiêu biểu thông qua các kênh ngoại giao, văn hóa, du lịch và truyền thông số. Đổi mới mạnh mẽ truyền thông đối ngoại trên nền tảng công nghệ số, truyền cảm hứng và thu hút đầu tư, du lịch, hợp tác quốc tế.

- Chủ động phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành Trung ương, các tổ chức quốc tế và nhà đầu tư lớn để tranh thủ nguồn lực, kỹ thuật, kinh nghiệm phục vụ xây dựng và thực hiện các chương trình, dự án trọng điểm, tạo động lực tăng trưởng cho tỉnh trong thời kỳ phát triển mới.

- Mở rộng hợp tác thực chất với các trung tâm phát triển, các tỉnh, thành phố trong vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ. Tiếp tục triển khai các hoạt động hợp tác cụ thể với tỉnh Thanh Hóa, tỉnh Hà Tĩnh để thực hiện các quy hoạch phát triển liên vùng và phát huy thế mạnh của mỗi địa phương.

VI- Đổi mới, xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; tinh gọn, nâng cao chất lượng, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

- Đổi mới, xây dựng Đảng bộ tỉnh trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và đạo đức.

- Đổi mới, hoàn thiện, nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị gắn với tinh gọn, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát và công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

- Đổi mới công tác dân vận, tăng cường mối quan hệ gắn bó giữa Đảng với Nhân dân, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị.

VII- Các đột phá chiến lược

- Đột phá về thể chế: Xây dựng, ban hành đồng bộ các cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền của tỉnh, tập trung hai nhóm trọng tâm: (1) Tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản, giải phóng và khơi thông nguồn lực phát triển; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, ủy quyền gắn với làm rõ trách nhiệm, phát huy tính chủ động, linh hoạt, sáng tạo của các cấp, ngành, cơ quan, đơn vị. (2) Kiến tạo phát triển, thu hút và khuyến khích đầu tư vào các lĩnh vực then

chốt; thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học - công nghệ, hệ sinh thái khởi nghiệp, doanh nghiệp tư nhân và các động lực tăng trưởng mới.

- Đột phá về phát triển nguồn nhân lực: Tập trung phát triển toàn diện nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao. Triển khai đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học theo hướng hiện đại, hội nhập; phấn đấu có ngành đào tạo đạt chuẩn khu vực, quốc tế, gắn với nhu cầu doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp công nghệ cao. Thúc đẩy mô hình đào tạo linh hoạt, bồi dưỡng kỹ năng cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và doanh nhân; phát triển văn hóa học tập suốt đời. Đẩy mạnh thu hút, trọng dụng nhân tài, thu hút lao động kỹ thuật cao. Kết nối, huy động nguồn lực trí tuệ từ đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, doanh nhân là người Nghệ An ở trong và ngoài nước. Xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp có phẩm chất, năng lực, uy tín, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

- Đột phá về phát triển hạ tầng: Tập trung phát triển hạ tầng giao thông chiến lược, có tính kết nối, tác động lớn đối với sự phát triển: Hoàn thành tuyến đường ven biển; thực hiện đúng tiến độ xây dựng đường bộ cao tốc Vinh - Thanh Thủy, đường sắt tốc độ cao đoạn qua Nghệ An; nâng cấp sân bay Vinh; nâng cấp, mở rộng quốc lộ 7A, 48A, xây dựng Cảng nước sâu Cửa Lò, phát triển cụm cảng Đông Hồi. Đẩy mạnh phát triển hạ tầng số, hạ tầng khoa học - công nghệ, logistics, năng lượng sạch, thủy lợi đa mục tiêu và các công trình phòng chống thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu. Phát triển hạ tầng đô thị trung tâm hiện đại, hạ tầng xã hội thiết yếu và nhà ở xã hội. Đổi mới phương thức đầu tư, mở rộng hợp tác công - tư và ứng dụng công nghệ số trong quản lý, vận hành hạ tầng.
